TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 268/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2018
V/v : "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Phú Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Ông Nguyễn Kiên Hiển

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, lúc 09 giờ 00 phút tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1037/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông T Sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 69/6 đường LL, Phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 189 đường Đ, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà M Sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 017 lô E, chung cư đường Th, Phường I, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, bản tự khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn ông T trình bày: ông và bà M tự nguyện kết hôn năm 1990, có Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân Phường I Quận O, Thành phố Hồ

Chí Minh cấp ngày 13/02/1990. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên L sinh ngày 17/4/1995 và Â sinh ngày 15/6/1990.

Sau khi kết hôn ông và bà M cùng chung sống tại địa chỉ số 017 lô E, chung cư đường Th, Phường I, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 1997 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là bà M thường xuyên đánh bài, cờ bạc không đi làm để chăm lo cho cuộc sống gia đình, một mình ông phải kiếm tiền nuôi hai con ăn học và trả nợ tiền thua bạc cho bà M. Đỉnh điểm là vào tháng 7 năm 2010 ông không chịu nổi cảnh nợ nần mà bà M gây ra, cùng thời điểm đó bà M cũng đã đi trốn nợ không có mặt ở nhà. Ông và bà M đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, nhưng ông vẫn thường xuyên bị các chủ nợ của bà M gọi điện chửi bới làm phiền. Hiện tại tình cảm không còn, vợ chồng đã sống ly thân hơn 07 năm không có liên lạc, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể nào hàn gắn đoàn tụ gia đình, nên ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà M.

- Về con chung: Có 02 con chung tên L sinh ngày 17/4/1995 và Â sinh ngày 15/6/1990 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là bà M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn ông T có đơn xin được xét xử vắng đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn: Bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn của nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà M là phát sinh tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét bị đơn bà M có hộ khẩu thường trú tại Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng:

Bị đơn bà M đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông T có đơn ngày 05/3/2018 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thông theo qui định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Xét bà M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra Tòa án nhân dân Quận 3 cũng Thông báo tham gia tố tụng đối với bà M, thông báo này được đăng trên các phương tiện thông tin cụ thể đăng báo, phát sóng trên đài truyền hình và Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân Phường I Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/02/1990 thì ông Hứa Văn Thông và bà M có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân Phường I Quận O Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 05/TAQ3 ngày 02/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3 thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn phát sinh giữa ông T và bà M, hiện tại bà M không còn sống tại số 017 lô E, chung cư Th, Phường I, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh, đi đâu không rõ.

Theo lời khai của nguyên đơn thì từ năm 1997 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bà M thường xuyên đi đánh bài, đánh đề, không lo cho con cũng như không chăm sóc, lo lắng cho gia đình. Ông T đã nhiều lần nói chuyện, trao đổi với bà M để tìm cách hoà giải nhưng không có kết quả. Trong thời gian này ông T phải vừa đi làm vừa trông con nhỏ, có lúc phải gửi con cho người bác để trông hộ và phải trả nợ cho bà M, thường xuyên bị chủ

nợ quấy rầy. Đến cuối năm 2010 thì bà M trốn nợ và bỏ đi sống ở nơi khác, ông T làm công cho người khác có thu nhập thấp, phải một mình chăm sóc nuôi dưỡng các con vừa phải trả nợ từ việc cờ bạc của bà M.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định về tình nghĩa vợ chồng như sau: *" 1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau ..."*.

Và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định về ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: *" 1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…."*.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông T và bà M đã ly thân không còn chung sống với nhau hơn 07 năm, giữa vợ chồng không có sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ cùng nhau những việc trong gia đình. Đồng thời suốt một khoảng thời gian dài bà M cũng không có liên lạc với ông T, cho thấy bà M không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân giữa ông T và bà M không đạt được, yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: 02 con chung tên L sinh ngày 17/4/1995 và Â sinh ngày 15/6/1990 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về án phí : Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Thông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 196, Điều 208, Điều 210, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của ông T.

1.1. Về quan hệ vợ chồng : Ông T được ly hôn với bà M.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung tên L sinh ngày 17/4/1995 và Â sinh ngày 15/6/1990 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung : Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng ông T phải chịu. Ông T đã nộp đủ án phí theo biên lai số AA/2017/0019343 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông T và bà M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Ủy ban nhân dân P.1, Q.3;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Phú Oanh